

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29-8-2025.
V/v tranh chấp Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hiệp;
2. Bà Nguyễn Hồng Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tào Văn Hai Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ) về tranh chấp: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lý Thị Q, sinh ngày 26/11/1996.

Địa chỉ: ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Chiêm Hữu N, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ.

Hiện nay đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở giáo dục bắt buộc Cồn Cát. Địa chỉ: ấp A, xã A, thành phố Cần Thơ (vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/9/2024 của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án chị Lý Thị Q trình bày:

Chị Lý Thị Q và anh Chiêm Hữu N tự nguyện sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 31/12/2015 tại UBND xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ). Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc nhưng

một thời gian sau thì chị Lý Thị Q và anh Chiêm Hữu N phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, do anh N nhiều lần vi phạm hành chính phải đi cai nghiện bắt buộc, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Chị Lý Thị Q và anh Chiêm Hữu N đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay.

Trong thời gian chung sống, chị Lý Thị Q và anh Chiêm Hữu N có 01 con chung là cháu Chiêm Ngọc Kim T, sinh ngày 11/12/2016. Hiện cháu T đang sống với chị Lý Thị Q.

Nay nhận thấy hạnh phúc gia đình tan vỡ, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Lý Thị Q yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Chiêm Hữu N.

- Về con chung: Yêu cầu Tòa án giao con chung là Chiêm Ngọc Kim T, sinh ngày 11/12/2016 cho chị Lý Thị Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Chị Lý Thị Q không yêu cầu anh Chiêm Hữu N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Chiêm Hữu N trình bày:

Anh N không đồng ý ly hôn với chị Q, không đồng ý giao con chung là Chiêm Ngọc Kim T, sinh ngày 11/12/2016 cho chị Lý Thị Q nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Anh yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa, bị đơn anh Chiêm Hữu N vắng mặt lần thứ nhất và có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt anh N. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh N và anh có ý kiến trình bày với Tòa án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại điểm **khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.**

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Q và anh N có đăng ký kết hôn vào ngày 31/12/2015, do bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn gay gắt do anh N nhiều lần vi phạm hành chính phải đi cai nghiện bắt buộc nên vợ chồng, đã không còn sống chung với nhau từ đầu năm 2024 cho đến nay. Anh N không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con chung. Xét thấy, mối quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Bởi lẽ, theo lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở để xác định cuộc sống vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung:

Theo lời trình bày của các đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, giữa nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung là Chiêm Ngọc Kim T (giới tính: nữ), sinh ngày 11/12/2016. Hiện cháu T đang sống với chị Lý Thị Q. Nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục được nuôi con chung, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng. Bị đơn cũng có yêu cầu nuôi con chung.

Xét thấy, con chung đang được nguyên đơn nuôi dưỡng ổn định từ khi sinh ra đến nay, đồng thời để tránh những xáo trộn trong đời sống, tâm sinh lý, gây ra những ảnh hưởng không tốt đến việc phát triển bình thường của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của nguyên đơn, giao con chung là Chiêm Ngọc Kim T (giới tính: nữ), sinh ngày 11/12/2016 hiện cháu đang sống với nguyên đơn cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Việc giao con chung cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Chiêm Ngọc Kim T. Do nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Việc bị đơn có yêu cầu nuôi con chung thấy rằng: Bị đơn đã nhiều lần vi phạm hành chính phải đi cai nghiện bắt buộc và hiện nay đang bị đưa vào Cơ sở giáo dục bắt buộc Cồn Cát nên không có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con chung, hơn nữa cháu T là nữ nên việc bị đơn yêu cầu được nuôi con là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[5] Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, **khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228**, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lý Thị Q ly hôn anh Chiêm Hữu N.

[2] Về con chung: Giao con chung là Chiêm Ngọc Kim T (giới tính: nữ), sinh ngày 11/12/2016 hiện đang sống với nguyên đơn cho chị Lý Thị Q trực tiếp

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu T đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật, theo nguyện vọng của cháu T. Anh Chiêm Hữu N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh Chiêm Hữu N không cấp dưỡng nuôi con chung do chị Lý Thị Q không yêu cầu.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[4] Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lý Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng chị Lý Thị Q đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001562 ngày 21/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự **khuvực 8 - Cần Thơ**) không nộp thêm. Anh Chiêm Hữu N không chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND khu vực 8 - Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 8 - Cần Thơ;
- Đương sự;
- UBND xã V, TP Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình